TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Huyện K, tỉnh Ninh Bình	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST

Ngày 08 tháng 5 năm 2018

"V/v: Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K – TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và ông Vũ Đức Bính

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K – tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Thị H, sinh năm 1991; ĐKHKTT: xóm A, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: xóm 3, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình;

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1991; ĐKHKTT và trú tại: xóm A, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện có mặt chị H, vắng mặt anh D tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 12/01/2018 và bản tự khai ngày 18/01/2018, chị Trần Thị Hồng là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với gia đình chồng tại xóm A, xã T. Do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, mắng chửi nhau. Anh D đánh chị và không cho chị đi làm. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải cho vợ chồng nhưng không có kết quả vì anh D vẫn không thay đổi. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 3, xã K để sinh sống. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, có quay về với nhau cũng không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Nguyễn Văn D ly hôn.

Về con cái và tài sản: chị xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản gì chung nên không yêu cầu giải quyết.

Anh Nguyễn Văn D là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và các tài liệu, chứng cứ do chị H gửi theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh D không có mặt trong các lần triệu tập của Tòa án, không viết bản khai trình bày ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, là quê của anh D. Ngay khi mới chung sống vợ chồng đã luôn xảy ra mâu thuẫn, thường cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả và vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Do mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 3, xã K để sinh sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh D để ổn định cuộc sống, còn anh D, mặc dù đã được nhận thông báo thụ lý vụ án nhưng anh có thái độ bỏ mặc, không hợp tác, không có mặt tại Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, không tham gia hòa giải. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị H và anh D đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh D là phù hợp.

[2] Về quan hệ con cái và tài sản: Do vợ chồng chưa có con chung, không có tài sản chung và chị H không yêu cầu giải quyết, còn anh D cố tình trốn tránh, không hợp tác làm việc, không trình bày ý kiến vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ Điều 144, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí.

Xử ly hôn giữa chị Trần Thị H với anh Nguyễn Văn D.

Án phí ly hôn sơ thẩm chị H phải nộp 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002780 ngày 16/01/2018 của Chi cục Thi hành án huyện K.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã T ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mạnh